**GIÁO ÁN LỚP 6**

**MÔN: TOÁN HÌNH**

**TỪ TUẦN 1 ĐẾN TUẦN 18**

**GIÁO VIÊN: TRỊNH THỊ NGỌC**

**NĂM HỌC 2020-2021**

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 1**  Ngày soạn:5/9/2020  Ngày dạy:7/9/2020  **ÔN TẬP HÌNH HỌC**  ***1.LÝ THUYẾT:***   1. **Hình tam giác:** Có 3 cạnh đáy, có 3 đỉnh, có 3 đường cao, có 3 góc.   – Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài cạnh đáy nhân với chiều cao tương ứng(cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.  Diện tích = (đáy x chiều cao) : 2  Chú ý: Diện tích hình tam giác vuông bằng tích 2 cạnh góc vuông chia cho 2.  – Muốn tìm độ dài cạnh đáy ta lấy diện tích nhân 2 rồi chia cho chiều cao. Đáy = (Diện tích x 2) : chiều cao  – Muốn tìm độ dài chiều cao ta lấy diện tích nhân 2 rồi chia cho cạnh đáy. Chiều cao = (Diện tích x 2) : đáy   1. **Hình thang**: Có 4 cạnh (2 cạnh đáy song song với nhau và 2 cạnh bên); có 4 đỉnh; có 4 góc; có thể có 4 đường cao.   – Muốn tính diện tích hình thang ta lấy tổng độ dài 2 đáy nhân với chiều cao(cùng một đơn vị đo) rồi chia cho 2.  S=(a+b)×h2 (S là diện tích; a và b là độ dài các cạnh đáy; h là chiều cao)  Chú ý: Hình thang vuông có 2 góc vuông và cạnh có 2 góc vuông đó chính là chiều cao.  Suy ra: Tìm chiều cao h=S×2a+b;  Tìm tổng 2 đáy  a+b=S×2h   1. **Hình tròn:** Độ dài đường kính bằng 2 lần độ dài bán kính, có vô số bán kính và vô số đường kính trong một hình tròn. Nếu có m đường kính thì sẽ có n x 2 bán kính.   – Muốn tính chu vi hình tròn ta lấy đường kính nhân với số 3,14 hoặc lấy bán kính nhân với 2 rồi nhân với số 3,14.  C = d x 3,14  hoặc C = r x 2 x 3,14. Suy ra: d = C : 3,14  hoặc r = C : 2 : 3,14.  – Muốn tính diện tích hình tròn ta lấy bán kính nhân với bán kính nhân với số 3,14.  S = r x r x 3.14  Suy ra: r x r = S : 3,14.   1. **Hình hộp chữ nhật:** Có 8 đỉnh; có 12 cạnh; có 6 mặt(2 mặt đáy và 4 mặt xung quanh).   – Muốn tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật ta lấy chu vi mặt đáy nhân với chiều cao(cùng một đơn vị đo).  S xqhhcn = (dài + rộng) x 2 x cao.  – Muốn tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật ta lấy diện tích xung quanh cộng với diện tích 2 đáy.  S tphhcn = S xqhhcn + S 2 đáy  – Muốn tính thể tích của hình hộp chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng rồi nhân với chiều cao.  V hhcn = dài x rộng x cao.  e**- Hình lập phương:** Có 8 đỉnh; có 12 cạnh bằng nhau; có 6 mặt bằng nhau(2 mặt đáy và 4 mặt xung quanh).  Chú ý: Hình lập phương là hình hộp chữ nhật đặc biệt vì nó có tất cả 6 mặt đều là các hình vuông bằng nhau.  – Muốn tính diện tích xung quanh của hình lập phương ta lấy diện tích 1 mặt nhân với 4. S xqhlp =  cạnh x cạnh x 4  Suy ra: S 1 mặt = S xqhlp : 4  – Muốn tính diện tích toàn phần của hình lập phương ta lấy diện tích 1 mặt nhân với 6. S tphlp =  cạnh x cạnh x 6  Suy ra: S 1 mặt = S tphlp : 6  – Muốn tính thể tích của hình lập phương ta lấy cạnh nhân với cạnh rồi nhân với cạnh.  V hlp =  cạnh x cạnh x cạnh.  ***2.BÀITẬP:*** **Câu 1:Chọn câu đúng**  a/ Hình lập phương là hình:  A. Có 6 mặt đều là hình vuông, có 8 đỉnh và 12 cạnh bằng nhau  B. Có 6 mặt đều là hình chữ nhật, có 8 đỉnh và 12 cạnh bằng nhau.  C. Có 6 mặt đều là hình chữ nhật, có 12 đỉnh và 8 cạnh.  b/ Một hình tròn có bán kính là 6cm thì diện tích là:  A. 113,04cm2  B. 113,03cm2  C. 113,02cm2  D. 113cm2  c**.** Diện tích hình tròn có đường kính 2 cm là:  A. 3,14 cm2  B. 6,28 cm2  C. 6,28 cm  D. 12,56 cm2  **d**. Một hình thang có trung bình cộng hai đáy là 5cm và chiều cao là 3,2 cm thì diện tích hình thang đó là:  A. 8cm2  B. 32cm2  C. 16 cm2  D. 164cm2  **Đáp án:**  a.A  b.A  c.A  d.C  **Câu 2:**Một hình tam giác có độ dài đáy là 45 cm. Độ dài đáy bằng  chiều cao. Tính diện tích của tam giác đó?  **Lời giải:**  Chiều cao của tam giác là  45 : = 27 (cm)  Diện tích của tam giác là:  45 x 27 : 2 = 607,5 (cm2)  Đáp số: 607,5 cm2  **Câu 3:** Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng 50cm, chiều cao 60cm.  a, Tính diện tích dùng làm bể kính đó (bể không có nắp).  b, Tính thể tích của bể cá đó.  c, Mức nước trong bể cao bằng 3/4 chiều cao của bể. Tính thể tích nước trong bể đó (độ dày kính không đáng kể).  **Bài giải**  Đổi 50cm = 0,5m ; 60cm = 0,6m  a, Diện tích xung quanh của bể kính là:  (1+0,5) x 2 x 0,6 = 1,8 (m2)  Diện tích kính dùng để làm bể là:  1,8 + 1 x 0,5=2,3 (m2)  b, Thể tích của bể cá đó là:  1 x 0,5 x 0,6 = 0,3 (m3)  c, Thể tích nước có trong bể là:  0,3 x 3/4 = 0,225(m3)  Đáp số: a, 2,3m2 ; b, 0,3m3 ; c, 0,225m3  **TUẦN 2**  ***Ngày soạn :12/9/2020***  ***Ngày giảng:14/9/2020*** |  |

**CHƯƠNG I.ĐOẠN THẲNG**

**TIẾT 1. BÀI 1. ĐIỂM. ĐƯỜNG THẲNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1**. **Kiến thức**:

- HS hiểu điểm là gì ? Đường thẳng là gì ?

- Hiểu quan hệ điểm thuộc, không thuộc đường thẳng.

**2. Kỹ năng:**

- Biết vẽ điểm, đường thẳng.

- Biết đặt tên cho điểm đường thẳng.

- Biết ký hiệu điểm, đường thẳng.

- Biết sử dụng ký hiệu ; .

**3. Thái độ:**

- Học sinh có thai độ nghiêm túc.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên**: Thước thẳng, bảng từ

**2. Học sinh**: Sách, vở, thước thẳng.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

**1**. **Kiểm tra**: Sách vở đồ dùng của HS.

**2**. **Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt Động 1: Điểm*** | |
| - GV nêu hình ảnh của điểm, cách đặt tên cho điểm.  - Hãy chỉ ra điểm D  . D . E  . B . C | **1. Điểm:**  - Cách vẽ điểm: 1 dấu chấm nhỏ.  - Cách viết tên điểm: Dùng các chữ cái in hoa.  - HS quan sát hình 1 sgk, các hs khác sờ vào hình: Đọc tên các điểm, cách vẽ điểm, nói cách viết tên điểm, cách vẽ điểm.  - Ba điểm phân biệt: A, B, C.  . A . B  . C  - Hai điểm trùng nhau: A và C.    - Bất cứ hình nào cũng là một tập hợp các điểm. Một điểm cũng là một hình. |
| ***Hoạt Động 2: Đường thẳng*** | |
| - GV nêu hình ảnh của đường thẳng.  - GV lưu ý: Đường thẳng không bị giới hạn về hai phía, đường thẳng là một tập hợp điểm. | **2. Đường thẳng:**  - HS quan sát , sờ vào hình 3 sgk: Đọc tên các đường thẳng, cách vẽ các đường thẳng, nói cách viết tên các đường thẳng, cách vẽ đường thẳng.  - Vẽ đường thẳng bằng một vạch thẳng.  - Dùng các chữ cái in thường để đặt tên cho các đường thẳng.  - Hai đường thẳng a và p. |
| ***Hoạt Động 3:******Điểm thuộc, không thuộc đường thẳng.*** | |
| - GV diễn đạt quan hệ giữa các điểm A, B với đường thẳng d bằng các cách khác nhau, viết ký hiệu: A  d, B  d.  - Câu a GV yêu cầu HS diễn đạt bằng cách khác nhau  - GV thông báo quan hệ điểm thuộc,  ( không thuộc) đường thẳng bằng cách khác nhau với mức độ trừu tượng khác nhau: Với một đường thẳng bất kỳ, có những điểm thuộc đường thẳng đó và có những điểm  đường thẳng đó. | **3. Điểm thuộc đường thẳng:**  - HS quan sát, sờ hình 4 sgk:  - Điểm không thuộc đường thẳng.  A  d, B  d.  - HS vẽ hình 5 sgk, trả lời các câu hỏi a, b, c trong sgk    Áp dụng:    a) + Điểm C thuộc đường a.  + Điểm E không thuộc a.  b) C  a ; E  a  c) Hai điểm B, G  a  Hai điểm M, N  a   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cách viết thông thường | Hình vẽ | Kí hiệu | | Điểm M |  |  | | Đường thẳn a |  |  | |  |  | M  a | |  | . N a |  | |

**3. Củng cố**:

- Điền vào các ô trống.

- GV: HS làm các bài tập sgk.

+ Bài 1: Đặt tên cho điểm, đường thẳng.

+ Bài 3: Nhận biết điểm thuộc ( không thuộc) đường thẳng. Sử dụng kí hiệu ; .

+ HS nhận xét.

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài theo sgk và vở ghi.

- Làm các bài tập: 2, 5, 6 /104,105 sgk.

**TUẦN 3**

**Ngày soạn:19/9/2020**

**Ngày dạy:21/9/2020**

**BÀI 2. BA ĐIỂM THẲNG HÀNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

- HS hiểu thế nào là ba điểm thẳng hàng ?. Quan hệ điểm nằm giữa 2 điểm?

- Nắm chắc trong ba điểm thẳng hàng có 1 và chỉ 1 điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

**2. Kỹ năng**:

- Biết vẽ 3 điểm thẳng hàng, 3 điểm không thẳng hàng.

- Sử dụng được các thuật ngữ: Nằm cùng phía, nằm khác phía, nằm giữa.

**3. Thái độ**:

- Yêu cầu sử dụng thước thẳng để vẽ và kiểm tra 3 điểm thẳng hàng một cách cẩn thận.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên:** Thước thẳng, bảng từ.

**2. Học sinh:** Sách, vở, thước thẳng, bảng lưới.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

\* HS 1: Vẽ đường thẳng a. Vẽ A  a; C  a; D  a

- Nêu các cách diễn đạt khác nhau của kí hiệu A  a.

\* HS 2: Vẽ đường thẳng b. Vẽ S  b; T  b; R  b

- Nêu các cách diễn đạt khác nhau của kí hiệu R  b.

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động1:******Thế nào là ba điểm thẳng hàng*** | |
| - GV: Từ bài kiểm tra của HS, GV khẳng định 3 điểm A, C, D thẳng hàng.  - GV: Thế nào là 3 điểm thẳng hàng?  - GV: Khi nào thì 3 điểm không thẳng hàng?  - GV yêu cầu HS nói cách vẽ 3 điểm thẳng hàng.  - GV yêu cầu HS nói cách vẽ 3 điểm không thẳng hàng.  \* Củng cố: HS làm bài tập 10 a, c sgk?  - GV: Để nhận biết được 3 điểm cho trước có thẳng hàng hay không ta làm thế nào? | **1. Thế nào là ba điểm thẳng hàng:**  - HS trả lời dựa vào hình 8a.  + Khi 3 điểm cùng thuộc 1 đường thẳng ta nói chúng thẳng hàng.  . . .  A C D  - HS trả lời dựa vào hình 8b.  + Khi 3 điểm không cùng thuộc bất kỳ  đường thẳng nào, ta nói chúng không thẳng hàng.  - HS: Vẽ đường thẳng rồi lấy 3 điểm thuộc đường thẳng ấy.  . B  . .  A C  - HS: Vẽ đường thẳng rồi lấy 2 điểm thuộc đường thẳng ấy và 1 điểm không thuộc đường thẳng ấy.  + Áp dụng:  Bài 10 a. Vẽ 3 điểm M , N , P thẳng hàng  . . .  M N P  b. Vẽ 3 điểm T, Q, R không thẳng hàng- HS trả lời: Dùng thước thẳng để kiểm tra |
| **Hoạt động 2: Điểm nằm giữa hai điểm** | |
| - GV gọi hs đọc các cách mô tả vị trí tương đối của 3 điểm thẳng hàng trên hình đó.  - GV yêu cầu HS vẽ 3 điểm A, B, C thẳng hàng sao cho điểm A nằm giữa hai điểm B, C.  - GV: Gọi 1 hs lên bảng vẽ.  - GV: Trong 3 điểm thẳng hàng có mấy điểm nằm giữa hai điểm còn lại?    - GV nhận xét  - Giáo viên gọi học sinh đứng tại chỗ trả lời.  a. Học sinh: Vẽ 3 điểm M, N, P. thẳng hàng sao cho điểm N nằm giữa 2 điểm M và P.  b. Học sinh vẽ 3 điểm A, B, C thẳng hàng sao cho điểm B không nằm giữa 2 điểm A và C.  - Giáo viên nêu chú ý: Có 2 trường hợp hình vẽ.  - Giáo viên thông báo: Không có khái niệm " điểm nằm giữa " khi 3 điểm không thẳng hàng. | **2. Quan hệ giữa 3 điểm thẳng hàng:**  - HS quan sát, sờ vào các điểm trên hình 9 sgk.  . . .  A C B    - HS trả lời.  Với 3 điểm thẳng hàng A, B, C như trên ta nói:  - A, C nằm cùng phía đối với B.  - C, B nằm cùng phía đối với A.  - A, B nằm khác phía đối với C.  - Điểm C nằm giữa 2 điểm A, B.  \* Củng cố: HS làm bài tập 11 sgk.  **\* Nhận xét:**  Trong 3 điểm thẳng hàng, có 1 điểm và chỉ 1 điểm nằm giữa 2 điểm còn lại.  3. Luyện tập:  a) . . .  M N P  . . .  P N M  b) . . .  B A C  . . .  B C A |

**4. Củng cố:**

- Nhắc lại kiến thức bài học.

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Học thuộc bài theo SGK + vở ghi.

- Học thuộc nhận xét về quan hệ giữa 3 điểm thẳng hàng.

- Làm bài tập 9, 13, 14, 12 SGK.

**Tuần 5**

Ngày soạn:1/10/2020

Ngày dạy: 3/10/2020

**BÀI 3. ĐƯỜNG THẲNG ĐI QUA HAI ĐIỂM**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức**:

- Học sinh nắm được có một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.

**2. Kỹ năng**:

- Học sinh biết vẽ đường thẳng đi qua hai điểm.

- Rèn luyện tư duy: Biết vị trí tương đối giữa hai đường thẳng trên mặt phẳng: Trùng nhau, phân biệt, cắt nhau, song song.

**3. Thái độ**:

- Vẽ cẩn thận và chính xác đường thẳng đi qua hai điểm A, B.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

**1. Giáo viên**: SGK, thước thẳng,bảng từ.

**2. Học sinh**: SGK, thước thẳng, bảng lưới.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

- HS1: Chữa bài 12 (SGK).

- HS2: Chữa bài 13 (SGK).

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động 1: Vẽ đường thẳng*** | |
| - GV: Cho 1 điểm A.  - GV yêu cầu HS vẽ đường thẳng đi qua A. Nêu cách vẽ?  - GV: Vẽ được mấy đường thẳng.    - GV: Cho thêm điểm B khác điểm A.  - Hãy vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm A, B.  - GV: Muốn vẽ điểm đi qua 2 điểm A, B ta làm như thế nào? | 1**. Vẽ đường thẳng:**  A B  - HS vẽ ra nháp và trả lời: Vô số đường thẳng.Nhận xét:  Có 1 đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua 2 điểm A, B.  - Củng cố: HS làm BT 15 (SGK). |
| ***Hoạt động 2: Tên đường thẳng*** | |
| - GV: Ta đã biết cách đặt tên cho đường thẳng như thế nào?    - GV thông báo các cách đặt tên khác cho đường thẳng.    - Củng cố: HS làm ? SGK.    - GV: ? Có bao nhiêu cách gọi?  - GV nêu các khái niệm trùng nhau. | **2. Tên đường thẳng:**  - HS: Bằng 1 chữ cái thường.  C1: Đặt tên bằng 1 chữ cái thường.  a  C2: Lấy tên 2 điểm thuộc đường thẳng để đặt tên cho đường thẳng.  A B  - HS đọc tên các đường thẳng: Đường thẳng a, đường thẳng AB ( hoặc BA), đường thẳng xy (hoặc yx).  C3: Đặt tên đường thẳng bằng 2 chữ cái thường.  x y  ?. Có 6 cách gọi tên đường thẳng: AB, BA, AC, CA, BC, CB. |
| ***Hoạt động 3: Vị trí tương đối của hai đường thẳng*** | |
| - GV thông báo: Các đường thẳng có thể trùng nhau hoặc phân biệt.  - GV vẽ hai đường thẳng phân biệt có 1 điểm chung, không có điểm chung nào, nêu khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau.  - GV: Hai đường thẳng phân biệt có những vị trí nào?    - GV: Cho 2 đường thẳng trên mặt phẳng có những vị trí nào có thể xảy ra ?  - GV lưu ý: Ở lớp 6 khi nói 2 đường thẳng mà không nói gì thêm ta hiểu đó là 2 đường thẳng phân biệt. | **3. Đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song:**  + Hai đường thẳng AB, BC trùng nhau khi A, B, C thẳng hàng…  + Hai đường thẳng AB, AC chỉ có 1 điểm chung A. Ta nói chúng cắt nhau và A là điểm giao điểm của 2 đường thẳng đó.  A B  C  + Hai đường thẳng xy, zt không có điểm chung nào, ta nói chúng song song với nhau.  x y  z t  - HS đọc chú ý (SGK).  Chú ý: ( SGK – 109) |

**3. Củng cố:**

- Gv cho học sinh trả lời theo sự dẫn dắt của GV.

- GV yêu cầu HS:

a) Vẽ hai đường thẳng cắt nhau mà giao điểm nằm ngoài trang giấy.

b) Vẽ hai đường thẳng song song bằng 2 lề của thước thẳng hoặc sử dụng dòng kẻ của trang giấy.

- HS làm BT 17 ( SGK)

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài theo SGK.

- Làm BT 18, 20, 21 ( SGK).

**TUẦN 7**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn: 20/10/2020***  ***Ngày giảng:******22/10/2020*** |  |

**BÀI 5. TIA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết khái niệm tia - Biết các khái niệm hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau.

**2. Kỹ năng:** Biết vẽ một tia. Nhận biết được một tia trong hình vẽ.

**3. Năng lực:** Năng lực giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học…

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên**: Giáo án, bảng từ

**2. Học sinh**: Thước thẳng,bảng lưới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Vẽ đường thẳng xy, vẽ điểm O thuộc đường thẳng xy.

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động1: Hình thành khái niệm tia*** | |
| - GV vẽ đường thẳng xy, điểm O xy  - GV: Điểm O Chia đường thẳng xy thành mấy phần?  - GV Hình gồm điểm O và phần đường thẳng này là 1 tia.  - GV: Thế nào là 1 tia gốc O.  -GV giới thiệu tên của 2 tia là Ox, Oy, còn gọi là nửa đường thẳng Ox, Oy.  - GV nêu cách đọc cách viết tên 1 tia.  - GV lưu ý cách vẽ tia, nhấn mạnh tia Ox bị giới hạn ở điểm O, không bị giới hạn về phía x. | **1. Tia gốc O:**  - HS vẽ vào vở.      - HS đọc định nghĩa sgk.  Định nghĩa: < SGK/111>  - HS đọc hình 27 sgk.   * Tia Ox ( còn gọi là nửa đường thẳng Ox).   - Tia Oy ( còn gọi là nửa đường thẳng Oy). |
| ***Hoạt đông 2: Hai tia đối nhau*** | |
| - GV: ? 2 tia Ox và Oy trên hình có đặc điểm gì?  - ( 2 tia chung gốc, tạo thành 1 đường thẳng).  - GV: Giới thiệu 2 tia Ox, Oy đối nhau.  - GV: 2 tia đối nhau phải có những điều kiện gì?  -Nêu lại đặc điểm của 2 tia đối nhau.  - GV giới thiệu: Điểm O là gốc chung của 2 tia đối nhau Ox, Oy.  - GV: Em có nhận xét gì về mỗi điểm trên đường thẳng.  .  - | **2.** **Hai tia đối nhau:** 2 tia Ox và Oy:    - Chung gốc.  - Cùng tạo thành 1 đường thẳng xy  Gọi là 2 tia đối nhau.  + Nhận xét: SGK  - Hai tia Ax, Ax’ đối nhau.    - HS nhận xét SGK.  - HS làm ? SGK.  ?1. a. Hai tia Ax, By không đối nhau vì không chung gốc.  b. Các cặp tia đối nhau:  Ax và Ay.  Bx và By. |
| ***Hoạt động 3: Hai tia trùng nhau*** | |
| - GV: Em có nhận xét gì về 2 tia Ax và AB.  - Tìm 2 tia trùng nhau trên hình 28.  - GV giới thiệu 2 tia phân biệt | **3.** **Hai tia trùng nhau:**    - Hai tia Ax, AB trùng nhau.  \* Chú ý: Hai tia không trùng nhau gọi là 2 tia phân biệt.  - HS đọc chú ý Sgk/112.  - Củng cố: HS làm bài ?2.  ?2.    - Tia OB trùng với tia Oy  - Hai tia Ox, Ax không trùng nhau vì không chung gốc.  - Hai tia chung gốc Ox, Oy không đối nhau vì không tạo thành đường thẳng. |

**3. Củng cố:** HS làm bài 22 sgk.

- HS trả lời miệng, GV điền vào ô trống. HS vẽ hình câu c bài 22.

- Gv viết thêm ký hiệu x, y vào hình phát triển thêm và hỏi:

- Trên hình vẽ có mấy tia? chỉ rõ?.

- Kể tên các tia đối nhau?. Trùng nhau?.

**4. Hướng dẫn HS về nhà**

- Nắm 3 khái niệm: Tia gốc O, 2 tia đối nhau, 2 tia trùng nhau.

- Làm các bài tập 23, 24 /sgk - 113.

**TUẦN 9**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn 3/11/2020***  ***Ngày giảng:******5/11/2020*** |  |

**BÀI 6. ĐOẠN THẲNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Biết định nghĩa đoạn thẳng.

**2. Kỹ năng**: Biết vẽ đoạn thẳng.

- Biết nhận dạng đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường thẳng.

- Biết mô tả hình vẽ bằng các cách diễn đạt khác nhau.

**3. Thái độ**: Giáo dục tính cẩn thận chính xác.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên**: Giáo án, sgk

**2. Học sinh**: Thước thẳng, vở ghi, SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**:

- HS1: - Vẽ hai điểm A, B. Vẽ đường thẳng A, B tia AB.

- Thế nào là tia AB ?

- GV đặt vđ vào bài: Qua 2 điểm A, B ta vẽ được đường thẳng AB, tia AB, ta có thể vẽ được đoạn thẳng AB nữa. Vậy đoạn thẳng AB là gì ? Ta vào bài hôm nay.

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động 1: Tiếp cận định nghĩa đoạn thẳng*** | |
| - GV: Yêu cầu HS vẽ hai điểm A, B trên trang giấy. Đặt mép thước đi qua 2 điểm A, B. Dùng bút chì vạch theo mép thước từ A đến B, ta được một hình.Còn các bạn khác vẽ trên bảng lưới  - GV thao tác trên bảng.  - GV: Hình này gồm bao nhiêu điểm? Là những điểm như thế nào?  .  - GV khẳng định đó là đoạn thẳng AB  - Đoạn thẳng AB là gì? | **1. Đoạn thẳng AB là gì**:     * - HS trả lời * - Đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA. * - Hai điểm A, B là hai mút (2 đầu) của đoạn thẳng AB. |
| **Hoạt động 2: Hình thành định nghĩa** | |
| - GV nêu định nghĩa đoạn thẳng AB, cách đọc tên đoạn thẳng.  - GV nhắc lại định nghĩa đoạn thẳng AB.  - GV lưu ý cách vẽ đoạn thẳng: phải vẽ rõ 2 mút.  - GV gọi hs đứng tại chỗ trả lời. | **Định nghĩa**: (sgk)  - HS làm bài tập 33/sgk.  **Bài 33:** Điền vào ô trống:  a) Hình gồm 2 điểm R, S và tất cả các điểm nằm giữa R Và S được gọi là đoạn thẳng RS.  Hai điểm RS được gọi là 2 mút của đoạn thẳng RS.  b. Đoạn thẳng PQ là hình gồm 2 điểm P, Q và tất cả các điểm nằm giữa A, B |
| **Hoạt động 3: Đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường** | |
| - GV cho HS quan sát hình vẽ: 33, 34, 35,các hs khác sờ vào hình sgk  - Hãy mô tả các hình vẽ đó.  - GV: Lưu ý có 1 điểm chung.  - GV Nhận dạng một số trường hợp khác về đoạn thẳng cắt nhau, đoạn thẳng cắt tia, đoạn thẳng cắt đường thẳng.  - Mô tả các hình vẽ đó. | **2. Đoạn thẳng cắt đoạn thẳng, cắt tia, cắt đường *thẳng:***  - HS nhận dạng 2 đoạn thẳng cắt nhau, đoạn thẳng cắt tia, đoạn thẳng cắt đường thẳng.  a) Hai đoạn thẳng AB và CD cắt nhau, giao điểm là điểm I.  b ) Đoạn thẳng AB cắt tia Ox, giao điểm là điểm K.    C. Đoạn thẳng AB và đường thẳng xy cắt nhau, giao điểm là điểm H. |

**4**. **Củng cố:**

- Bài tập 35, 39. SGK

- Hai HS lên bảng làm bài 39.

**5. Hướng dẫn HS về nhà:**

- Học thuộc và hiểu đoạn thẳng, biết vẽ hình biểu diễn đoạn thẳng cắt nhau, đoạn thẳng cắt tia, đoạn thẳng cắt đường thẳng.

- Làm các bài tập 36, 37, 38/ sgk.

**TUẦN 11**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn 17/11/2020*  *Ngày giảng: 19/11/2020* |  |

**BÀI 7. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết độ dài đoạn thẳng là gì ?.

**2. Kỹ năng**: Biết đo độ dài đoạn thẳng bằng thước đo độ dài.

- Biết so sánh 2 đoạn thẳng.

**3. Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi đo.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên**: Giáo án, sgk, Thước thẳng,bảng từ

**2. Học sinh:**  Thước thẳng có chia khoảng cách, bảng lưới,vở ghi, SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Khởi động-Kiểm tra bài cũ**:

- HS: Đoạn thẳng AB là gì? Vẽ đoạn thẳng AB? Đo đoạn thẳng đó, viết kết quả đo bằng ngôn ngữ thông thường, bằng ký hiệu. Em hãy nêu rõ cách đo.

**3. Bài mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động 1: Đo đoạn thẳng*** | |
| - GV: Nêu dụng cụ đo đoạn thẳng?  - Em còn biết dụng cụ đo độ dài nào khác?  - GV giới thiệu một vài loại thước.  - GV hướng dẫn hs cách đo độ dài đoạn thẳng AB  - GV gọi hs nhắc lại cách đo.  - GV nêu cách ký hiệu đoạn thẳng.  - Khi có 1 đoạn thẳng thì tương ứng với nó sẽ có mấy độ dài?  - Độ dài đó là một số ntn?  - GV nêu các cách nói khác.  - GV: ? Độ dài và khoảng cách có khác nhau không?  - Đoạn thẳng và độ dài đoạn thẳng khác nhau ntn?  - GV cho hs đo chiều dài và chiều rộng cuốn vở của mình rồi đọc kết quả. | **1. Đo đoạn thẳng:**  - HS nhận dạng các dụng cụ đo (h.42)  a) Dụng cụ:  ***\_***  ***A***  ***\_***  ***B***  - Thước thẳng có chia khoảng.  -HS nhắc lại cách đo  b) Đo đoạn thẳng AB.  \* Cách đo:  - Đặt cạnh thước đi qua 2 điểm AB sao cho vạch số 0  điểm A.  - Điểm B  trùng với điểm nào đó trên thước. Chẳng hạn 30 mm. Ta nói độ dài đoạn thẳng AB bằng 30 mm.  \* Ký hiệu: AB = 30 mm.  hoặc BA = 30 mm.  - HS đọc nhận xét trong sgk.  \* **Nhận xét**: sgk/117.  - Ta còn nói: Khoảng cách giữa 2 điểm A và B bằng 30 mm. Hoặc A cách B một khoảng bằng 30 mm.  - Khi A  B ta nói khoảng cách giữa 2 điểm A , B bằng 0. |
| ***Hoạt động 2****:* ***So sánh hai đoạn thẳng*** | |
| - Hãy đo độ dài chiếc bút bi và bút chì của em. Hai vật này có độ dài bằng nhau không?  - GV nêu cách đo 2 đoạn thẳng.  - Cả lớp đọc sgk.  - Em hãy cho biết thế nào là hai đoạn thẳng bằng nhau? đoạn thẳng này dài hơn hay ngắn hơn đoạn thẳng kia.  - GV vẽ hình 40 lên bảng.  - GV gọi 1 HS lên đọc kết quả.  1 hs trả lời.  - 1 inch = ? mm  - GV gọi 1 HS trả lời | **2. So sánh hai đoạn thẳng:**  -HS trả lời  \* So sánh hai đoạn thẳng bằng cách so sánh độ dài của chúng.    - 1 HS lên bảng viết kí hiệu.  AB = CD.  EF> CD hay AB < EF  - HS làm **?1.**  **?1**  a) EF = GH = 17 mm; AB = IK = 28 mm.  CD = 40 mm.  b) EF < CD  HS làm bài **?3.**  **?3**  1 inch = 2,54 cm = 25,4 mm. |

***4. Củng cố:***

\* Bài 43 SGK

AC = 18 mm

AB = 31 mm  AC < AB < BC

BC = 35 mm

**5. Hướng dẫn HS về nhà:**

- Nắm vững nhận xét về độ dài đoạn thẳng, cách đo đoạn thẳng, cách so sánh hai đoạn thẳng.

- Làm bài 42; 45 / sgk - 119.

-HD Bài 44/119

AB = 1,2 cm; BC = 1,6 cm; CD = 2,5 cm; AD = 3cm

AD > CD > BC > AB

\*HS yếu: -BTVN: 42(SGK- 119)

- Đọc trước bài Khi nào thì AM + MB = AB

\* HS Tb –k: -BTVN:40; 41; 42,44,45 (SGK- 119)

**TUẦN 12**

**Ngày soạn:24/11/2020**

**Ngày dạy:26/11/2020**

**BÀI 8. KHI NÀO THÌ AM + MB = AB**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: HS hiểu nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì AM + MB = AB và ngược lại.

**2. Kỹ năng**: Nhận biết được 1 điểm nằm giữa hay không nằm giữa 2 điểm khác.

- Bước đầu tập suy luận dạng: “ Nếu có a + b = c và biết 2 trong 3 số a, b, c thì suy ra số thứ 3”.

**3. Thái độ**: Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi đo các đoạn thẳng và khi cộng các độ dài.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên**: Thước thẳng, bảng từ

**2. Học sinh**: Thước thẳng có chia khoảng cách, bảng lưới,vở ghi, SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

|  |  |
| --- | --- |
| Vẽ 3 điểm A, M, B sao cho M nằm giữa A, B.  - Đọc tên các đoạn thẳng trên hình vẽ.  - Đo các đoạn thẳng trên hình vẽ.  - So sánh độ dài AM + MB với AB. | - Cả lớp cùng làm ra vở nháp.  - Cho hs nhận xét bài làm của bạn.  - Gọi một số hs đọc kết quả đo của mình.  - Từ bài kiểm tra GV vào bài mới. |

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động 1: Khi nào thì tổng độ dài 2 đoạn thẳng AM và MB bằng độ dài đoạn thẳng AB.*** | |
| - GV lấy kết quả của bài cũ và gọi một số HS đọc kết quả đo và so sánh độ dài  AM + MB với AB.  - Qua kết quả trên em rút ra nhận xét gì? (Nếu điểm M nằm giữa A, B thì  AM + MB = AB)  - GV yêu cầu vẽ 3 điểm A, B, M thẳng hàng, M không nằm giữa A, B. Đo AM, MB, AB. So sánh AM + MB với AB. Nêu nhận xét?  (điểm M không nằm giữa A, B thì  AM + MB  AB)  - GV kết hợp 2 nhận xét ta có kết luận gì?  - GV ghi nhận xét.  - Nếu K nằm giữa M và N thì ta có đẳng thức nào?  - GV để đo độ dài một đoạn thẳng hoặc khoảng cách giữa 2 điểm ta thường dùng dụng cụ gì?. | ***1. Khi nào thì tổng độ dài 2 đoạn thẳng AM và MB bằng độ dài đoạn thẳng AB:***  A M B    AM + MB = AB    A B M  AM + MB  AB  - HS phát biểu.  \* **Nhận xét:**  - Điểm M nằm giữa A, B  AM + MB = AB  - HS làm ví dụ.  \* Ví dụ: Điểm M nằm giữa A, B biết:  AM = 3 cm, AB = 8 cm. Tính BM?  Giải: Vì điểm M nằm giữa A, B nên:  AM + MB = AB Ta có: 3 + MB = 8  MB = 8 – 3 Vậy MB = 5 cm  \* Bài 50/ sgk:  Cho 3 điểm V, A, T thẳng hàng.  Nếu TV + VA = TA thì V nằm giữa 2 điểm T, A. |
| **Hoạt động** 2: ***Một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa 2 điểm trên mặt đất*** | |
| - GV? Muốn đo khoảng cách giữa 2 điểm trên mặt đất ta làm ntn?.  - GV lấy ví dụ trực quan. | **2**. ***Một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa 2 điểm trên mặt đất:***  - HS nêu tên một số dụng cụ đo (sgk).  - Thước cuộn bằng vải ( hoặc kim loại).  - Thước chữ A.  - HS nghiên cứu sgk và trả lời.  \* Cách đo: SGK/ 120, 121. |
| **Hoạt động** 3: ***Luyện tập*** | |
| - Muốn so sánh EM và MF ta làm ntn?  - Tính MF?  - Lớp nhận xét.  - GV? Cho 3 điểm thẳng hàng, chỉ cần đo mấy đoạn thẳng mà biết được độ dài của cả 3 đoạn thẳng? | - HS làm bài tập 47/sgk.  - Gọi HS làm.  \* Bài tập 47/sgk:  Giải: M là một điểm của đoạn thẳng EF  M nằm giữa E, F  EM + MF = EF  Thay EM = 4 cm, EF = 8 cm  Ta có: 4 + MF = 8  MF = 8 – 4  MF = 4 ( cm)  Vậy EM = MF (Cùng bằng 4 cm). |

**4. Củng cố - Hướng dẫn HS về nhà:**

- GV tóm tắt lí thuyết bài học.

- Hãy chỉ ra điều kiện một điểm có nằm giữa 2 điểm khác hay không.

- Điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại trong 3 điểm A, B, C.

a, Biết AB = 4 cm; AC = 5 cm; BC = 1 cm.

b, Biết AB = 1,8 cm; AC = 5,2 cm; BC = 4 cm.

\*Về nhà: Nắm vững nhận xét sgk/120- Làm các bài tập 46, 48, 49, 51, 52 SGK.

**TUẦN 14**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn :8/12/2020*  *Ngày giảng:10/12/2020* |  |

**BÀI 10. VẼ ĐOẠN THẲNG CHO BIẾT ĐỘ DÀI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS nắm vững trên tia ox có một điểm và chỉ một điểm M sao cho OM = m (đơn vị độ dài) (m > 0).

            - Trên tia ox, nếu OM = a, ON = b, và a < b thì nằm giữa O, N.

**2. Kỹ năng**: Biết áp dụng các kiến thức trên để giải BT.

**3. Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận, đo, đặt điểm chính xác.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên:** Giáo án, sgk, tài liệu tham khảo.

**2. Học sinh**: Thước thẳng có chia khoảng cách, vở ghi, SGK, bảng lưới

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

Nếu điểm M nằm giữa 2 điểm A, B thì ta có đẳng thức nào?. Trên 1 đường thẳng vẽ 3 điểm V, A, T sao cho: AT = 10 cm, VA = 20 cm, VT = 30 cm. Hỏi điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?

           - Từ bài KT gv đặt vđ vào bài mới: Vẽ đoạn thẳng OM = a cm  trên tia OX như thế nào ?

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Hoạt động 1: Vẽ đoạn thẳng trên tia** | |
| - GV nêu VD 1:  - Để vẽ đoạn thẳng cần xác định 2 nút của có ở VD 1 đã biết nút nào? Cần xác định nút nào?.  - Để vẽ đoạn thẳng có thể dùng những dụng cụ nào? Cách vẽ như thế nào?  - GV hướng dẫn hs làm thực hiện 2 cách xác định điểm M trên tia OX. em có nhận xét gì?  - GV nhấn mạnh: Trên tia Ox bao giờ cũng …..  - Gv nêu vd 2.  - Đầu bài cho gì? Yêu cầu gì?.  .  - GV bổ sung cách vẽ nếu cần. | **1. Vẽ đoạn thẳng trên tia**  VD1: Trên tia Ox vẽ đoạn thẳng  - HS đọc SGK.  OM = 2cm  - Mút O đã biết  - Cần xác định mút M  - HS nêu cách vẽ.  Cách 1: ( Dùng thước có chia khoảng)  - Đặt cạnh của thước trùng tia OX sao cho vạch số 0 trùng gốc O.  - Vạch 2 cm của thước ứng với 1 điểm trên tia điểm ấy chính là điểm M.            O                            M                      - Hs đọc SGK và nêu cách vẽ.               x  - HS thực hiện vào vở.  2cm  Cách 2: ( Có thể dùng compa và thước thẳng)  - 1 hs lên bảng thao tác vẽ  - HS đọc nhận xét: (SGK- 122)  \* Nhận xét: (SGK- 122)  VD 2: Cho đoạn thẳng AB  Hãy vẽ đoạn thẳng CD sao cho:  CD = AB  Cách vẽ: (SGK – 123) |
| ***Hoạt động 2: Vẽ hai đoạn thẳng trên tia*** | |
| - GV yêu cầu hs vẽ 2 đoạn thẳng OM = 2cm, ON= 3cm trên tia OX.  - GV: Trong 3 điểm O, M, N điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại?.  - GV lưu ý: 2cm < 3cm  - GV: Nếu trên tia Ox có:   OM = a, ON = b, O < a < b thì ta kết luận gì về vị trí các điểm O, M, N ?  - GV: Bài học hôm nay cho ta thêm  một dấu hiệu nhận biết điểm nằm giữa 2 điểm.  - GV: Nếu O, M, Nhttps://lh3.googleusercontent.com/Dow_vgo2mZe6gmgMafcZyZBB50pMU_VQyIfsxm5A_rjg_7R34A4XuB6SNxFtqBQBLAdkAGW2z9MsmlyA2IufAToxALkpglE64mK2VWslY9XaAbXSG2Zl3A5VYf3wofrpzznB5N8 tia OX và OM < ON thì điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại ? | **2. Vẽ hai đoạn thẳng trên tia**  - HS thực hiện vào vở.  1 hs lên bảng vẽ (ON = 20cm,  ON = 30cm)  - HS: M nằm giữa O, N.  VD: Trên tia Ox vẽ OM = 2cm,  ON = 3 cm  https://lh3.googleusercontent.com/UiEygHsE02VeuY-x6WQ7cF7g_NHN7dtVf4OsAjp5gJysKLMAJrwYUuW7oME2_f1noxhrjv44Dl28er_ezFJdwaAQLd4XIA2JzLtm2Hq5meG9mkfUdQ2o05U7Y5QjN6751ro0nrY  Điểm M nằm giữa  2 điểm O và N   ( Vì 2cm < 3 cm )  - HS đọc nhận xét (SGK- 123)  \* Nhận xét: (SGK-123)         O                  M      N                     x    0 < a < b  https://lh5.googleusercontent.com/15n4nQwc9AAylvY7nzhhzQ4miz1Qgx7bwSLNPGNwm5ZgHrVBUYQPpyPQssNmHyhTuYJsJffdWNmW44vL60Jxh3QJQL9PJYZGVK7ZrUvL_uo9CAGNZZE6ForGfJ9j-1DRaY9VYy4M nằm giữa O, N |

**4. Củng cố:** GV: Tổng kết kiến thức các phần cho HS.

**Bài 53 (Tr124)**

Tính MN; so sánh OM và MN

**Giải**

Vì N nàm giữa 2 điểm O và M nên

ON + NM = OM

https://lh6.googleusercontent.com/cxeyCA-B3OfGHhrFCRUoPPaqSo1epG5fFpEuzTZXenM8LkD4tRq_ML55ZC0zyEgQngS4TEofV3ej3gTIresiV6eVEczZKAyDsPZGpOai3rYVYFRKUuxLsmgXrcFIipjXIq8A824 NM = OM – ON

            =  9 –3 = 6 cm

Vậy MN = 6 cm

**5. Hướng dẫn HS về nhà:**

Tìm hiểu nôi dung bài mới:

- HS TB-Y: Đọc và chuẩn bị bài 10, chuẩn bị 1 tờ giấy trắng.

- HS K-G: Đọc và chuẩn bị bài 10,  làm ? , Ôn lại KT ở bài khi nào....chuẩn bị 1 tờ giấy trắng

- Học thuộc 2 nhận xét.

- ôn tập và thực hành vẽ đoạn thẳng biết độ dài ( Cả dùng thước, dùng    compa)

- Làm BT: 53, 55, 56, 57, 59 (SGK – 124)

**TUẦN 16**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn:22/12/2020***  ***Ngày giảng:24/12/2020*** |  |

**TRUNG ĐIỂM CỦA  ĐOẠN THẲNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS hiểu trung điểm của đoạn thẳng là gì?

**2. Kỹ năng:** Biết vẽ trung điểm của 1 đoạn thẳng, nhận biết được một điểm là trung điểm của 1 đoạn thẳng.

**3. Thái độ**: Giáo dục tính cẩn thận, đo, vẽ, gấp, chính xác.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: Giáo án, sgk, tài liệu tham khảo.

      - Thước thẳng, bảng từ

**2. Học sinh**:Bảng lưới, vở ghi, SGK, thước thẳng compa.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ**

       - Trên tia Ax vẽ AM = 20 cm. AB = 40 cm. So sánh AM và MB

       - Cả lớp cùng làm: Trên tia Ax vẽ AM = 2 cm. AB = 4 cm

       - GV cho HS nhận xét. Đánh giá và cho điểm.

       - GV hướng dẫn HS tới khái niệm trung điểm đoạn thẳng.

       - So sánh AM và MB: AM = MB https://lh6.googleusercontent.com/n6bm_hS42k4i26eY6UdbkngDaJgg5-qlw3Vc9C8J3YW2MlSyR5sipr0o_L9QVxR3D-LCIca-_Mn-jpJrYd0V9__7ANNXk0Ea5vbFYJCKlIkViij5IHWvjg82r0Yk3AHlt9WuM38 M cách đều AB.

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Hoạt động 1****:****Trung điểm của đoạn thẳng*** | |
| - Trung điểm M của đoạn thẳng AB là điểm ntn?  - Cả lớp ghi định nghĩa vào vở.  - GV? M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì M phải thoả mãn điều kiện gì?  - Có M nằm giữa A, B thì có đẳng thức nào?  - Tương tự M cách đều A, B thì có đẳng thức nào?  - GV lưu ý: M còn gọi là trung điểm chính giữa của đoạn thẳng AB.  **- HS làm bài tập 60 - SGK/125**  - GV: Đề bài cho biết gì?. Hỏi gì?  - GV gọi HS trả lời miệng  - GV trình bày bài giải mẫu  - GV: Một đoạn thẳng có mấy trung điểm?  Có mấy điểm nằm giữa 2 mút của nó?  - GV cho đoạn thẳng EF ( Chưa rõ độ dài) Hãy vẽ trung điểm K của nó?  - Em định vẽ ntn?  - Việc đầu tiên ta làm gì? | **1.** **Trung điểm của đoạn thẳng:**  - HS nêu định nghĩa trung điểm đoạn thẳng.  Đ/N: ( sgk - 124)  M là trung điểm của đoạn thẳng AB  https://lh5.googleusercontent.com/xalSU8pGMDE0gVFcWmf-bM00JZBeqXoq7Eg0PoQ0Ba9SwLCUuebL6tF70bhPczUFA1svYd5pT1mXPgFonxgaDazEAQO0AtHx6LFItp3ig6KYKIYhvgO4Wcd1ZJbmUAd7Up7KIVo   M nằm giữa  A, B          M cách đều A, B  https://lh5.googleusercontent.com/xalSU8pGMDE0gVFcWmf-bM00JZBeqXoq7Eg0PoQ0Ba9SwLCUuebL6tF70bhPczUFA1svYd5pT1mXPgFonxgaDazEAQO0AtHx6LFItp3ig6KYKIYhvgO4Wcd1ZJbmUAd7Up7KIVo   MA + MB = AB          MA = MB    - HS đọc đề cả lớp theo dõi.  \* **Bài 60/ sgk:**  https://lh4.googleusercontent.com/PqCJZiYNlIIwD2355KTyiYYiInmVcPwDyOMYSod8VVhUMRCjKRMsaMDcneJKNOnLC_HmBeqUM7Tkq10V-_3KmE5hgN2-zt5LzdaUF8Fj9XAgNPETRpBDccS5reRU_WJ08s9fRV8  a) A, B https://lh6.googleusercontent.com/Hpp36AeTgNicrGIhRtCarhxzW0s_-7nKsBVl79YlCxWuEZTNrcui-wRd6nFoqtAELr6TZ0pNcQgaMPlQm4dEoQKY0IOaMGjPCKv1BH-zNawt_aiB7-8g6ykNsxVwd4NrQoWkTIg tia Ox; OA < 0B  https://lh6.googleusercontent.com/n6bm_hS42k4i26eY6UdbkngDaJgg5-qlw3Vc9C8J3YW2MlSyR5sipr0o_L9QVxR3D-LCIca-_Mn-jpJrYd0V9__7ANNXk0Ea5vbFYJCKlIkViij5IHWvjg82r0Yk3AHlt9WuM38 Điểm A nằm giữa hai điểm O và B  b) A nằm giữa hai điểm O và B. ( theo a)  https://lh6.googleusercontent.com/n6bm_hS42k4i26eY6UdbkngDaJgg5-qlw3Vc9C8J3YW2MlSyR5sipr0o_L9QVxR3D-LCIca-_Mn-jpJrYd0V9__7ANNXk0Ea5vbFYJCKlIkViij5IHWvjg82r0Yk3AHlt9WuM38 OA + AB = OB         2   + AB = 4         AB = 4 - 2        AB = 2 ( cm)  https://lh6.googleusercontent.com/n6bm_hS42k4i26eY6UdbkngDaJgg5-qlw3Vc9C8J3YW2MlSyR5sipr0o_L9QVxR3D-LCIca-_Mn-jpJrYd0V9__7ANNXk0Ea5vbFYJCKlIkViij5IHWvjg82r0Yk3AHlt9WuM38 OA = AB ( vì = 2 cm )  c) A là trung điểm của đoạn thẳng OB.   vì theo câu a, b ta có :    A nằm giữa  O, B, OA = AB |
| ***Hoạt động 2: Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng*** | |
| - GV giới thiệu VD  - Có những cách nào để vẽ trung điểm của đoạn thẳng AB?  - GV yêu cầu HS nói rõ cách vẽ theo từng bước  + Cách 1:  ……  + Cách 2: HS tự đọc sgk. xác định trung điểm đoạn thẳng bằng cách gấp giấy.  + Cách 3: GV hướng dẫn miệng | **2.** **Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng:**  VD: Vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB (cho trước)  + Cách 1: Dùng thước thẳng có chia khoảng  B1: Đo đoạn thẳng  B2: Tính MA = M B = https://lh6.googleusercontent.com/fEWjYtki3cdToheO4sx3-5wXyiwJtpxfFZZyNn7ZZ55ERMijgfTTGG6IRyXNo-3V5-DONWP2iJUSd99DeubkswrTXEYhegP50oBAMFKHlYnBGNNHHmHEZzBUdVnwY8K7HrcGYOc  B3: Vẽ M trên đoạn thẳng AB với độ dài MA ( Hoặc MB)  + Cách 2: Gấp giấy (sgk/125) |

**4. Củng cố:**  GV hướng dẫn HS làm bài tập 61 SGK.

**5. Hướng dẫn HS  về nhà**

- Thuộc hiểu kỹ các kiến thức của bài.

- Làm bài tập: 62, 64, 65 SGK.

\*HS TB – yếu

- Học thuộc ĐN trung điểm của đoạn thẳng.

- BTVN: 62,63,64(SGK-126)

\* HS Khá – Giỏi

- Học thuộc ĐN trung điểm của đoạn thẳng.

- BTVN: 62,63,64(SGK-126

|  |
| --- |
| ***Tuần 17***  ***Ngàysoạn:29/12/2020***  ***Ngàygiảng:31/12/2020*** |

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Hệ thống hoá kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm (khái niệm, tính chất, cách nhận biết)

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng sử dụng thành thạo thước thẳng,thước có chia khoảng, compa để đo, vẽ đoạn thẳng. Bước đầu suy luận đơn giản.

**3. Thái độ:** Cẩn thận, chính xác khi vẽ hình.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Thước thẳng, bảng từ

- HS: Thước thẳng,bảng lưới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra việc chuẩn bị câu hỏi ôn tập của HS

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1. Đọc hình**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ?Mỗi hình trong cho biết kiến thức gì  - HS trả lời miệng | | | | | **I. Lý thuyết**  **1. Đọc hình** | |
| https://lh5.googleusercontent.com/17tbkoU2NikSxEJCKhN8B9q1Fu2KuJMKdcwn0oAtbUKjrftXi9ZETyQto8EUvOmYvFLCNcTs5c40l3ojciVpS7MUNg2yDbZzVxh0y7jQyU-A2uFGbMmhhFClrgL4qZYsAdt9fo8  H1 | https://lh4.googleusercontent.com/H1hCBUjoFspuXIWnIe0r9JaAgnD-2DNTYlBhFewMJFAqrzyjx_rNM9s2FW2EDmkkhqv9f8eYYlRGssl0inB9wPgo0ZexoF1bL9TsUn64enD8msdItxABQ39hoCaB7ROX2WTjXnQ    H2 | | H3  https://lh6.googleusercontent.com/Ah0EEbD4Xgw5Itv4wVykdNxSm320wSBO2WOc0x5rTCAxQ5yq2pgaTlxRwY3gYOPDDcPUWWLJFcFDDHA74R6LoALd33JFQ7p4QTC1OQxJ9WoqRvwYhxHx8Yn_20mWSjrQx2dqCLM | | https://lh5.googleusercontent.com/1vnUKvscLYdnfG3iRG-je5dng0_XJbpkwnR_TUqnA3xXoPxla-DmyAbo5GkkhxalZrtXd5KD62l_izCbQaBqRk3B4giigYpHk8KLMoHIEWRqx3Xiq7Hp23ER-MyDGNgmUIeQKAg  H4 | https://lh3.googleusercontent.com/GZN-x9DHRtgrx-ri_w-55vQ_GOpvtLFAoZxtYiQsl_pOYWJUlFvgnAou83cUTKzdXhS8ezuylUI3gqPH7uaFMKmzdj29CjYUeMhi6__RS_G0HrEMx_Rja1ChMQQfEzwiBles-G4  H5 |
| https://lh3.googleusercontent.com/DrEPp8z3UvgZYoxzESOG8zIac2APh2J1uDkMUF7-JY-G3IKsQUXlVyEbIesr0_nWDexsnQW743WfDBungC9XNISyM1GGIZK0pVuztoxoHTSdOTgvbqetYlx6-7uLOShGtI31-3A            H6 | https://lh4.googleusercontent.com/odqEqRNlGvmjtcZdMoT-Z8XtL25v6FwJ51cQfm1NM9mLEeAl0PWH7GiZ0WpnKglsOBPA4PHEgT0HtqHjPjFT66P2dAX0tJqKkSYMr5V5hfdcKYPOCbdYoXMmJcddieGbwayLGFA  H7 | | https://lh5.googleusercontent.com/gj-84iIe7mTOLJNvs-krbBtCekTup3lZHqLRHr3jW2QqtZ2NZXEfQ5zhLux26y_Vbq6xV5601N9mCnWOJ1JMNz2fNNPCdNcuiLXvsf5kGXe0eGqbCzcIwvKvbcHvaiNXT-le5a8  H8 | | https://lh3.googleusercontent.com/iWIBndfVmI6iIIYcDEoBghLZZaeqr8jnoG-s6hCikoe55eBJDWWX3ikYsGhjAUItwBOpBdpZf1gLj5Qyohl49NrbXOOtZpOpYA8ReGxBm7f3SPeqzzyJPL9g_jVMo9Buh1N5hVkhttps://lh3.googleusercontent.com/g4RvWzj42yHkioePxnmeAlZcMctrF6PoMWg0pVxAgy2vb5DyuIZcc-YEJcW8r3tkVYpUFlI2Tz3LxJUjzKcWl7abq0OqmzcqeNHS7X3Lq9jywBCogcPgZmRuttPh8_wO_wikWRA          H9                      H10 | |
| - Gọi HS trả lời    - GV đánh giá, bổ sung | | H1: B https://lh6.googleusercontent.com/I8qd_gA45l0lVDKSik8duB4AtKML6L5oPP7J85dYq8I9j2V04SHuYrQwPg13oo_BYmAZLjj0oume_OikFLYRveYTIEFxh178iAL54dkKZXwgRu9-liCH175ZxrZigIUGCtWXXwca; Ahttps://lh3.googleusercontent.com/gk_3o8dC2SuzMvkkh59Ho3NpjyuaNwENUPCBiUe0ta8z5n9wIoQV_SLFTLPjfo4h3M9A6kOb2y_opPkIpt3M9iZdOXqm-lygoEMSzsd9VBtfYIJE291-j6lskurgINSto9P_Oa4a  H2: A, B, C thẳng hàng  H3: Có nhiều đường không thẳng đi qua A, B  H4: a giao b tại điểm I  H5: m // n  H6: Ox, Ox' đối nhau  H7: Vẽ AB nằm trên Ay  H8: Đoạn thẳng AB  H9: Điểm M nằm giữa hai điểm AB  H10: Trung điểm O của đoạn thẳng AB | | | | |
| **Hoạt động 2: Điền vào ô trống** | | | | | | |
| a) Trong ba điểm thẳng hàng ………điểm nằm giữa hai điểm còn lại  b) Có một và chỉ một đường thẳng đi qua ……  c) Mỗi điểm trên đường thẳng là…….của hai tia đối nhau  d) Nếu …… thì BM + MC = BC  e) Nếu MC = MD = https://lh5.googleusercontent.com/veHaFoR0NmcGealpi74dvKbqo9K7xdGtJC8DoGd-yfr937f0kxyuJwnWVLLKovu__xKqe5z8G4KwnSGQn6sefzalQVwysDm8TyKgvYbabxILt55FyQAY8XdMhlC8S3lInLEPk9M thì ……. | | | | **2. Điền vào ô trống**  + Có một và chỉ một  + Hai điểm A, B  + Gốc  + M nằm giữa B và C  + M là trung điểm của CD | | |
| **Hoạt động 3. Bài tập vẽ hình, tính toán** | | | | | | |
| - Yêu cầu HS làm bài tập 2/127  - GV nhận xét  - Yêu cầu HS làm bài 3  - GV nhận xét và cho điểm  - Gọi 1 HS đọc đề bài 6  ? Bài tập cho biết gì và yêu cầu gì  - 1 HS đọc đề bài 6  Biết: AB = 6 cm;  AM = 3cm  Tìm:  a) M có nằm giữa A,B không  b) So sánh AM và MB  c) M có là trung điểm của đoạn thẳng AB không  ? M có nằm giữa A, B không, vì sao  ? So sánh  AM và MB em làm như thế nào  ? Theo a) M nằm giữa A, B => đẳng thức nào | | | | | **4. Bài tập**  **Bài 2/127**  https://lh3.googleusercontent.com/5tjVM8Tkg_NGWXKecCNB72RRFzwTzoZyrdu41ZapuniR28enc-k4z_VVIPa5viTHlBO88qElT3eRc0STxYyY4F7tw2ofNPJy5kTql18v7oGZQNwFq74e_8TUCV9uwsRFmxulQY0  **Bài 3/127**  https://lh5.googleusercontent.com/vcIQnE1hPM7RhAVBTJfI7sHiug3uM7qH8SwgYcojdtdUrO81ap67tlroQQ1d4XKGVsfG5_7y1t78ywUP-aY0zBSsPb8-Y3OSi99PPsYNJvVzT2Q_bGco0iDOSd-FGoyIli9DLgc  **Bài 6/127**  HS: M có nằm giữa A,B vì AM < AB  https://lh6.googleusercontent.com/rnNS_s1rQDkeFdOt25ylwVoU_i9o5-6DtlO9SPeTXwmJpqceWcUUswtPK_-Cb95_5B-UZ0kvfDqMZhIy5J7Gmy1cmIgsM6YH2LauffgwDYSfbhCOZVxhRVbjnXkVsSsK0jJwliA  a) M có nằm giữa A, B  vì AM < AB(3 < 6)  b) Vì  M nằm giữa A, B  => AM + MB = AB  => MB = 6 - 3 = 3 cm  Vậy AM = MB = 3 cm  HS: Tính AB => So sánh độ dài MA = MB  c) M là trung điểm của AB vì M nằm giữa và cách đều A, B | |

**4. Củng cố - Hướng dẫn về nhà**

- Nhắc lại những kiến thức đã học, bài tập đã làm ở học kỳ I

- Làm bài tập: 7,8 (SGK-127)